

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT
TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó giáo sư
Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐;

Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Khoa học vật liệu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Ngọc Anh

2. Ngày tháng năm sinh: 19/05/1976; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Đội 6, thôn Ngô Xuyên, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 109, nhà A2, số 18 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0936792541;

E-mail: ngocanhnt.vn@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 09/2000 đến 08/2001: Trợ giảng tại Bộ môn Vật lý Tin học, Viện Vật lý Kỹ thuật, Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Từ 03/2009 đến 05/2009: Nghiên cứu viên tại Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Từ 06/2009 đến 12/2012: Phó chủ nhiệm khoa Khoa Khoa học Cơ bản tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

- Từ 09/2009 đến 12/2014: Nghiên cứu sau tiến sỹ (postdoc) tại Viện Công nghệ Hoàng Gia KTH, Thụy Điển

- Từ 02/2013 đến 02/2015: Trưởng nhóm nghiên cứu Spintronics tại Phòng Thí nghiệm Công nghệ Nano (LNT), Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện nay: Nghiên cứu viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa
Cơ quan công tác hiện nay: Viện Khoa học vật liệu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 37564 129

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): 1) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; 2) Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; 3) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- 1) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
- 2) Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- 3) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng DH [3] ngày 14 tháng 06 năm 1998, số văn bằng: 87686, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Phương pháp giảng dạy; Nơi cấp bằng DH [3] (trường, nước): Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 12 tháng 12 năm 2000, số văn bằng: 17693, ngành: Khoa học, chuyên ngành: Khoa học vật liệu; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 15 tháng 02 năm 2008, số văn bằng: UST2008D008, ngành: Khoa học và Kỹ thuật nano, chuyên ngành: Spintronics; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học và Công nghệ, Hàn Quốc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hội đồng IV: Ngành Vật lý, Luyện kim, Điện, Điện tử, Tự động hóa, Công nghệ thông tin

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu chế tạo các màng mỏng từ tính có dị hướng ngoài mặt phẳng và khả năng điều biến dị hướng từ.

Hướng nghiên cứu 2: nghiên cứu chế tạo các linh kiện từ, spintronics kích thước micro/nano và khả năng ứng dụng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 HVCH bảo vệ thành công luận án ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 4 cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 68 bài báo khoa học, trong đó 40 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thường quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giấy khen Viện Khoa học vật liệu	Cấp cơ sở	2016
2	Giấy khen Viện Khoa học vật liệu	Cấp cơ sở	2017
3	Giấy khen Hội Nữ trí thức Việt Nam	Hội Nữ trí thức Việt Nam	2017
4	Bằng khen Hội Nữ trí thức Việt Nam	Hội Nữ trí thức Việt Nam	2019
5	Giấy khen Viện Khoa học vật liệu	Cấp cơ sở	2020
6	Chiến sỹ thi đua	Cấp cơ sở	2023
7	Chiến sỹ thi đua	Cấp cơ sở	2024
8	Bằng khen Hội Nữ trí thức Việt Nam	Hội Nữ trí thức Việt Nam	2024

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Được đào tạo chính quy từ Đại học, Thạc sỹ và Tiến sỹ tại các cơ sở đào tạo có uy tín và chất lượng cả trong và ngoài nước. Có thời gian học tập, nghiên cứu chuyên sâu tại các nước phát triển như Hàn Quốc, Thụy Điển. Tôi tự nhận thấy bản thân có đủ kiến thức, trình độ cả về chuyên môn và kỹ năng sư phạm để hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và đào tạo.

- Có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức để giảng dạy, đào tạo, hướng dẫn sinh viên đại học, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong các trường Đại học, các cơ sở đào tạo về lĩnh vực chuyên ngành.

- Có đủ năng lực và trí tuệ để đề xuất, triển khai và thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao phó. Tôi đã và đang thực hiện tốt các đề tài khoa học cấp với tư cách là chủ nhiệm đề tài cũng như người tham gia.

- Luôn trung thực, thẳng thắn, có tinh thần trách nhiệm và tích cực hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công nghệ.
- Thường xuyên học tập, rèn luyện, tu dưỡng nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ để thực hiện tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và đào tạo được giao phó.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 6 năm 0 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn	Số lượng Chính Phụ	Số lượng đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp HD BH đã	Số giờ chuẩn gd	gd trực tiếp trên lớp	SDH	chẩn định mức (*)
1	2019-2020			1					0/35/135
2	2020-2021			1	1				0/60/135
3	2021-2022	1		1			120		120/205/135
03 năm học cuối									
4	2022-2023				3		120		120/157,5/135
5	2023-2024				2	137,99			137,99/162,99/135
6	2024-2025	1				66	120		186/219,3/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông

tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Hàn Quốc năm 2008

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Huế		X		X	12/2018 - 12/2019	Đại học Sư phạm Hà Nội	21/01/2020

2	Cao Thị Thanh Hải		X	X		11/2019 - 12/2020	Đại học Sư phạm Hà Nội	18/01/2021
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy		X	X		12/2020 - 12/2021	Đại học Sư phạm Hà Nội	30/12/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên: Không có

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu, chế tạo các van spin và các tiếp xúc từ xuyên ngầm tích hợp kênh dẫn vi lưu để phát hiện nhanh, nhạy các hạt nano từ cho ứng dụng y sinh	CN	103.99-2015.83, cấp Bộ	05/05/2016 - 05/05/2019	19/06/2019
2	Nghiên cứu chế tạo cảm biến từ có độ nhạy trường cao sử dụng các tiếp xúc từ xuyên	CN	VAST.HTQT.NHATBAN.01/17-19, cấp Bộ	01/01/2017 - 31/12/2020	23/03/2021

1	Inverse giant magnetoresistance due to spin-dependent bulk scattering in Fe _{1-x} Cr _x /Cu/Co	5	Có	physica status solidi (a) – applications and materials science	x - SCIE IF: 1.4, Q2	1	204, 12, 3954-3957	12/2007
2	Giant magnetostriction of single-layer TbFeCo and TbFeCo/Fe multilayer films	5	Không	Proceedings of the 8th Asia-Pacific Physics Conference, Taipei, Taiwan, 7 – 10 August 2000			697-699	05/2001
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
3	[Co/Pd]-NiFe exchange springs with tunable magnetization tilt angle	7	Có	Applied Physics Letters	x - SCIE IF: 3.8, Q1	99	98 172502	04/2011
4	High frequency operation of a spin-torque oscillator at low field	7	Không	physica status solidi (RRL) – Rapid Research Letters	x - SCIE IF: 2.7, Q1	101	5, 12, 432-434	10/2011
5	[Co/Pd]4-Co-Pd-NiFe spring magnets with highly tunable and uniform magnetization tilt angles	7	Có	Journal of Magnetism and Magnetic Materials	x - SCIE IF: 2, Q1	23	324, 22, 3929-3932	11/2012
6	A non-volatile spintronics memory element with a continuum of resistance states	7	Không	Advanced Functional Materials	x - SCIE IF: 10.2, Q1	19	23, 15, 1919-1922	11/2012
7	Tunable spin configuration in [Co/Ni]-NiFe spring magnets	7	Không	Journal of Physics D: Applied Physics	x - SCIE IF: 2.528, Q1	42	46, 12, 125004	02/2013

8	Spin Torque-Generated Magnetic Droplet Solitons	14	Không	Science	x - SCIE IF: 31, Q1	350	339, 6125, 1295-1298	03/2013
9	Spin wave excitations in exchange-coupled [Co/Pd]-NiFe films with tunable tilting of the magnetization	10	Không	Physical Review B	x - SCIE IF: 3.767, Q1	25	87 144426	04/2013
10	Magnetic droplet solitons in orthogonal nano-contact spin torque oscillators	11	Không	Physica B: Condensed Matter	x - SCIE IF: 1.47, Q2	52	435 84-87	02/2014
11	Spin transfer torque generated magnetic droplet solitons (invited)	11	Không	Journal of Applied Physics	x - SCIE IF: 2.4, Q1	64	115 172612	04/2014
12	Investigation of the tunability of the spin configuration inside exchange coupled springs of hard/soft magnets	8	Có	IEEE Transactions on Magnetics	x - SCIE IF: 1.88, Q2	11	50, 6, 2004906	06/2014
13	Depth dependent magnetization profiles of hybrid exchange springs	11	Có	Physical Review Applied	x - SCIE IF: 3.8, Q1	29	2 044014	10/2014
14	[Co/Pd]-CFB exchange springs magnets with tunable gap of spin wave excitations	10	Không	Journal of Physics D: Applied Physics	x - SCIE IF: 3.1, Q1	21	47, 49, 495004	11/2014
15	Magnetic structure and anisotropy of	10	Không	Physical Review B	x - SCIE	23	91 014407	01/2015

	[Co/Pd]5/NiFe multilayers				IF: 3.2, Q1			
16	Exchange coupling in hybrid anisotropy magnetic multilayers quantified by vector magnetometry	7	Không	Journal of Applied Physics	x - SCIE IF: 2.3, Q2	10	117 17B526	04/2015
17	Role of Boron diffusion in CoFeB/MgO magnetic tunnel junctions	17	Không	Physical Review B	x - SCIE IF: 3.2, Q1	52	91 085311	02/2015
18	Magnetic droplet solitons in orthogonal spin valves	9	Không	Low Temperature Physics	- SCIE IF: 0.6, Q3	32	41 833- 837	10/2015
19	Monte Carlo modeling of mixed-anisotropy [Co/Ni]2/NiFe multilayers	9	Không	IEEE Magnetics Letters	- SCIE IF: 1.1, Q1	3	7 4101205	12/2015
20	Iron Nanoparticles Fabricated by High-Energy Ball Milling for Magnetic Hyperthermia	9	Không	Journal of Electronic Materials	x - SCIE IF: 2.2, Q2	21	45 2644- 2650	03/2016
21	All Optical Study of Tunable Ultrafast Spin Dynamics in [Co/Pd]-NiFe Systems: Role of Spin Twist Structure on Gilbert Damping	6	Không	RSC Advances	x - SCIE IF: 3.1, Q1	13	6 80168- 80173	08/2016
22	Effect of flattened surface morphology of anodized aluminum oxide templates on the magnetic properties of nanoporous Co/Pt and	12	Có	Applied Surface Science	x - SCIE IF: 6.3, Q1	33	427, B, 649-655	01/2018

	Co/Pd thin multilayered films							
23	Biocompatible nanoclusters of O-carboxymethyl chitosan-coated Fe ₃ O ₄ nanoparticles: Synthesis, characterization and magnetic heating efficiency	9	Không	Journal of Materials Science	x - SCIE IF: 3.2, Q1	35	53 8887-8900	03/2018
24	A Facile Ultrasound Assisted Synthesis of Dextran-Stabilized Co _{0.2} Fe _{0.8} Fe ₂ O ₄ Nanoparticles for Hyperthermia Application	6	Không	IEEE Transactions on Magnetics	x - SCIE IF: 1.7, Q2	7	54, 6, 5400204	04/2018
25	Direct observation of Zhang-Li torque expansion of magnetic droplet solitons	16	Không	Physical Review Letters	x - SCIE IF: 8.1, Q1	47	120 217204	05/2018
26	Enhanced Perpendicular Exchange Bias on Co/Pd Antidot Arrays	13	Có	Journal of Electronic Materials	x - SCIE IF: 2.2, Q2	8	48 1492-1497	12/2018
27	Optimization of Tb ³⁺ /Gd ³⁺ Molar Ratio for Rapid Detection of Naja Atra Cobra Venom by Immunoglobulin G-Conjugated GdPO ₄ ·nH ₂ O : Tb ³⁺ Nanorods	9	Không	Hindawi Journal of Nanomaterials	- SCIE IF: 3.791, Q2	5	2019 3858439	05/2019

28	Complex magnetic ordering in nanoporous [Co/Pd]5-IrMn multilayers with perpendicular magnetic anisotropy and its impact on magnetization reversal and magnetoresistance	13	Không	Physical Chemistry Chemical Physics	x - SCIE IF: 3.9, Q1	12	22, 6, 3661- 3674	01/2020
29	Influence of interfacial magnetic ordering and field-cooling effect on perpendicular exchange bias and magnetoresistance in nanoporous IrMn-[Co/Pd] films	14	Không	Journal of Applied Physics	x - SCIE IF: 2.7, Q2	12	127 223904	06/2020
30	Correlation of magnetic and magnetoresistive properties of nanoporous Co/Pd thin multilayers fabricated on anodized TiO ₂ templates	16	Có	Scientific Reports	x - SCIE IF: 4.37, Q1	8	10 10838	07/2020
31	Characterization of Gd ₂ O ₃ :Eu ³⁺ nanocomplexes conjugate with IgG for the identification of CEA tumor cell	10	Không	Materials Transactions	x - SCIE IF: 1.3, Q2	3	61, 8, 1575- 1579	08/2020
32	Low frequency 1/f noise in deep-submicron sized magnetic tunnel junctions	17	Có	Journal of Applied Physics	x - SCIE IF: 2.7, Q2	4	129 024503	01/2021

33	Brillouin light scattering investigations of films and magnetic tunnel junctions with perpendicular magnetic anisotropy at the CoFeB/MgO interface	10	Có	Journal of Physics D: Applied Physics	x - SCIE IF: 3.1, Q1	1	54, 13, 135005	01/2021
34	In-situ formation and integration of graphene into MoS2 interlayer spacing: expansion of interlayer spacing for superior hydrogen evolution reaction in acidic and alkaline electrolyte	12	Không	Journal of Materials Science	x - SCIE IF: 3.5, Q1	30	57 18993-19005	10/2022
35	Excellent microwave absorption performances of cobalt-doped SrFe12O19 hexaferrite with varying incident angles	6	Không	Journal of Alloys and Compounds	x - SCIE IF: 5.8, Q1	29	952 170060	08/2023
36	Correlation of phase composition, magnetic properties and hyperthermia efficiency of silica-coated FeCo nanoparticles for therapeutic applications	14	Không	Materials Science and Engineering: B	x - SCIE IF: 3.9, Q1	3	295 116571	09/2023
37	Enhanced Electromagnetic Wave Absorption Properties of FeCo-C Alloy by Exploiting Metamaterial Structure	9	Không	Crystals	- SCIE IF: 2.4, Q2	3	13, 7, 1009	06/2023

38	Facile Fabrication of PANI/Fe _{2.85} Ni _{0.15} O ₄ Nanocomposites and Their Application for the Effective Degradation of Rhodamine B Dye	6	Không	Magnetochemistry	- SCIE IF: 2.6, Q2	2	9, 8, 195	07/2023
39	Fundamentally Different Magnetoresistance Mechanisms in Related Co/Pd and Co/Pt Multilayers for Spintronic Applications	10	Có	Materials Transactions	x - SCIE IF: 1.2, Q2		64, 9, 2124-2127	09/2023
40	Highly sensitive detection of local, low-frequency magnetic field using single nanoscale MgO Magnetic Tunnel Junctions under a large bias field	14	Có	Materials Transactions	x - SCIE IF: 1.2, Q2		64, 9, 2128-2133	09/2023
41	Observation of Higher-order Contribution to Anisotropic Magnetoresistance of Thin Pt/[Co/Pt] Multilayered Films	10	Có	Applied Surface Science	x - SCIE IF: 6.3, Q1	1	648 158957	03/2024
42	Shell thickness and interparticle interaction effects in Fe ₃ O ₄ /CoFe ₂ O ₄ core/shell nanoparticles	8	Không	Journal of Science: Advanced Materials and Devices	x - SCIE IF: 6.7, Q1	8	9, 1, 100658	03/2024
43	Synthesis of nano-Selenium and its impact on seed germination and early seedling growth of several crop species	5	Có	AIP Advances	- SCIE IF: 1.4, Q3		14, 2, 025046	02/2024

44	The enhancement of low-temperature excitation of magnons via interlayer exchange coupling in perpendicularly magnetized [Co/Pd] multilayers	11	Có	Applied Physics Letters	x - SCIE IF: 3.5, Q1	1	124, 19, 192407	05/2024
45	Stability and magnetic properties of transition metal (V, Cr, Mn, and Fe) doped cobalt oxide clusters: a density functional theory investigation	7	Không	RSC Advances	x - SCIE IF: 3.9, Q1		14, 48, 36031-36039	11/2024
46	Iron oxide nanoparticles synthesized by coprecipitation method: Impacts of zinc doping and surface functionalization by polyvinylpyrrolidone on the magnetic properties and heating efficiency	9	Không	Ceramics International	x - SCIE IF: 5.1, Q1	3	51, 2, 1448-1455	01/2025
47	Highly ordered porous templates for fabrication of multilayered nanostructures with perpendicular magnetic anisotropy	10	Có	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	- SCIE IF: 1.7, Q2		16, 1, 015010	01/2025
48	A comprehensive evaluation of the correlation between structure and magnetic properties of Gd-	10	Không	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	- SCIE IF: 1.7, Q2		16, 2, 025018	05/2025

	substituted Fe ₃ O ₄ nanoparticles							
49	The study of the effect of device downsizing on 1/f noise in deep submicron magnetic tunnel junctions	7	Có	Applied Physics A: Materials Science and Processing	x - SCIE IF: 2.5, Q2		131 505	05/2025
50	Phổ truyền qua của ánh sáng nhìn thấy ở hệ màng mỏng từ dạng hạt Co-Ag dưới tác dụng của từ trường ngoài	6	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	- ACI		52, 2B, 15-22	04/2014
51	Biểu hiện của hiện tượng truyền xoắn spin và chắn spin trong hệ MTJ 2 lớp rào thế Co/Al ₂ O ₃ /Co/Al ₂ O ₃ /Co	8	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	- ACI		52, 3B, 117-127	04/2014
52	Điều biến trường trao đổi dịch và lực kháng từ theo phương vuông góc trong màng đa lớp [Co/Pd]/IrMn	8	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên	- ACI		200, 07, 141-148	05/2019
53	Tăng cường trường trao đổi dịch theo phương vuông góc trong hệ vật liệu [Co/Pd]-IrMn với lớp xen giữa CoFe siêu mỏng	8	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên	- ACI		225, 06, 498-504	05/2020
54	Khả năng điều biến dị hướng từ theo phương vuông góc trong màng mỏng đa lớp [Co/Pd]	8	Có	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ quân sự			66 171-181	04/2020
55	Điều biến dị hướng từ và trường trao đổi dịch theo phương vuông góc trong	7	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ -	- ACI		227, 11	07/2022

	các màng đa lớp [Co/Pd]-IrMn có cấu trúc nano dạng antidot arrays			Đại học Thái Nguyên				
56	Cấu trúc và tính chất từ trong các màng đa lớp nano antidots [Co/Pd] với dị hướng từ vuông góc	7	Có	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ quân sự			84 119- 126	12/2022
57	Ảnh hưởng của kích thước hạt lên tính chất từ và quang của hệ hạt Fe ₃ O ₄	6	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên	- ACI		228, 02, 217-224	02/2023
58	Ảnh hưởng của chiều dày lớp ngăn cách Cu lên tương tác trao đổi và tính chất từ trong các van spin có dị hướng từ vuông góc dựa trên các màng mỏng đa lớp [Co/Pd]	8	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên	- ACI		229, 10, 449-455	08/2024
59	Cấu trúc và tính chất từ của các hệ hạt nano tổ hợp Fe ₃ O ₄ /CoFe ₂ O ₄	4	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên	- ACI		229, 14, 52-59	10/2024
60	Mối liên hệ giữa thời gian hồi phục điện môi và tính chất áp điện của hệ vật liệu Ba _{1-x} CaxZr _{0,1} Ti _{0,9} O ₃	9	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ			67, 5, 9- 13	05/2025
61	Effect of flat-surface morphology of TiO ₂ and Al ₂ O ₃ templates on magnetic properties of	11	Có	IWAMSN2016 Conference proceeding paper			28-34	11/2016

	nanoporous CoPt and CoPd multilayered films						
62	Correlated evolution of surface morphology, structure and magnetic properties of nanoporous Co/Pd films with perpendicular magnetic anisotropy: invited reviews papers and short notes to Nanomeeting – 2017 (invited)	7	Không	Reviews and Short Notes to Nanomeeting-2017		333-340	06/2017
63	Nghiên cứu chế tạo các vật liệu kim loại/oxit nano nền Cu/Fe ứng dụng cho phân bón nano	6	Không	Kỷ yếu Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2021		2 781-786	08/2022
64	Nghiên cứu chế tạo hệ hạt nano lõi-vỏ Fe ₃ O ₄ @SiO ₂ ứng dụng trong tải thuốc	8	Không	SPMS2023 Conference proceeding paper		125-128	11/2023
65	Interlayer coupling and giant magnetoresistance in a symmetric spin-valve structure based on perpendicularly anisotropic [Co/Pd] multilayers	11	Có	Proceedings of IWNA 2023, 08-11 November 2023, Phan Thiet, Vietnam		383-386	11/2023
66	Low-frequency magnetoelectric effect in composites based on modified barium titanate	6	Không	Proceedings of IWNA 2023, 08-11 November 2023, Phan Thiet, Vietnam		431-433	11/2023
67	Magnetoresistance and low-frequency noise	6	Có	Proceedings of IWNA 2023, 08-		517-520	11/2023

	study in nano-scale orthogonal magnetic tunnel junctions			11 November 2023, Phan Thiet, Vietnam				
68	Interlayer coupling and magnetoresistance mechanisms in thin [Co/Pd]/X/[Co/Pd] multilayered films with perpendicular magnetic anisotropy	11	Không	Proceedings of IWAMSN 2024, 22-25 September 2024, Da Nang, Vietnam			96-99	09/2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 14 ([3] [5] [12] [13] [22] [26] [30] [32] [33] [39] [40] [41] [44] [49])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố: Không có

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không có

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2019-2020/67,5; 2020-2021/67,5

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2019-2020/100; 2020-2021/75

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký



Nguyễn Thị Ngọc Anh